

Số: **3507**/BTNMT-CNTT

V/v cung cấp thông tin về quan trắc tài nguyên và môi trường trên địa bàn

Hà Nội, ngày **22** tháng 8 năm 2016

Kính gửi: UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Căn cứ Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 63/NQ-CP 22/07/2016 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị Quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020,

Thực hiện nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao về việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc tài nguyên môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị Quý UBND cung cấp thông tin, khả năng và nhu cầu xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc tài nguyên môi trường gồm:

1. Hiện trạng về công tác quan trắc tài nguyên môi trường.
2. Khả năng đóng góp vào cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc tài nguyên môi trường.
3. Nhu cầu sử dụng và khai thác thông tin từ cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc tài nguyên môi trường.

(Nội dung chi tiết, cụ thể tại Phụ lục kèm theo).

Thông tin xin gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường qua Cục Công nghệ thông tin (địa chỉ: số 28 Phạm Văn Đồng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội; bản số theo địa chỉ: dinte@monre.gov.vn) trước ngày 15/9/2016 để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Đối với các Sở Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị chủ động tham mưu cho UBND thực hiện nội dung công văn.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để p/h);
- Sở TN&MT các tỉnh, TP;
- Lưu: VT, CNTT

HL

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số **3507** /BTNMT-CNTT ngày **22** tháng 8 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

I. Hiện trạng hệ thống trạm, điểm quan trắc (có các yếu tố về tài nguyên và môi trường)

STT	Tên trạm, điểm quan trắc (cố định /di động)	Địa điểm đặt trạm, điểm quan trắc	Loại trạm, điểm quan trắc	Công nghệ quan trắc	Loại thông tin, dữ liệu quan trắc	Các thông tin, số liệu có khả năng cung cấp theo thời gian thực	Các thông tin, số liệu không đáp ứng thời gian thực
1	2	3	4	5	6	7	8

II. Khả năng đóng góp vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc tài nguyên và môi trường

STT	Loại thông tin, dữ liệu	Theo thời gian thực		Số liệu quan trắc không đáp ứng thời gian thực	
		Thông tin, số liệu	Phương thức kết nối, thu thập	Thông tin, số liệu	Khuôn dạng dữ liệu
1	2	3	5	4	5

III. Nhu cầu khai thác sử dụng dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường

STT	Loại thông tin, dữ liệu	Phạm vi, địa bàn cần cung cấp	Theo thời gian thực		Thông tin, số liệu lưu trữ trong cơ sở dữ liệu	
			Thông tin, số liệu	Hình thức, khối lượng khai thác, sử dụng	Thông tin, số liệu	Hình thức, khối lượng khai thác, sử dụng
1	2	3	5	4	5	6

IV. Các đề xuất, kiến nghị tham gia, phối hợp thực hiện đề án

Đề xuất, kiến nghị thêm các yêu cầu, nội dung và khả năng phối hợp thực hiện đối với đề án:

1. Các yêu cầu, nhu cầu đối với đề án;
2. Các sản phẩm đầu ra đề án (cơ sở dữ liệu; báo cáo, thống kê.. định kỳ, đột xuất..);
3. Khả năng tham gia, phối hợp thực hiện
4. ..

Giải thích nội dung các cột:

1. Loại trạm, điểm quan trắc

Được phân loại theo Quyết định số 90/QĐ-TTg cụ thể như sau:

a) Quan trắc khí tượng thủy văn:

- Quan trắc khí tượng bề mặt
- Điểm đo mưa
- Quan trắc khí tượng cao không
- Quan trắc thủy văn
- Quan trắc khí tượng hải văn

b) Quan trắc tài nguyên nước:

- Quan trắc tài nguyên nước mặt
- Quan trắc tài nguyên nước dưới đất

c) Quan trắc môi trường

- Quan trắc môi trường không khí
- Quan trắc ô nhiễm chất thải
- Quan trắc môi trường nước mặt

- Quan trắc môi trường nước ngầm
- Quan trắc môi trường đất
- Quan trắc lắng đọng axit
- Quan trắc đa dạng sinh học
- Quan trắc môi trường khác

d) Quan trắc tài nguyên và môi trường biển

đ) Quan trắc định vị vệ tinh và địa động lực

e). Quan trắc viễn thám

g) Quan trắc địa chất, khoáng sản

- Quan trắc tại các mỏ khoáng sản độc hại
- Quan trắc tại biến địa chất và trượt lở đất đá

h) Quan trắc tài nguyên đất

2. Công nghệ quan trắc:

- Quan trắc thủ công
- Quan trắc tự động
- Ứng dụng công nghệ IOT (kết nối internet kết hợp xử lý, điều khiển)

3. Loại thông tin, dữ liệu quan trắc: Liệt kê các thông tin, số liệu quan trắc

4. Các thông tin, số liệu có khả năng cung cấp theo thời gian thực: Liệt kê các thông tin, số liệu quan trắc có thể cung cấp theo thời gian thực, kết nối online.

5. Các thông tin, số liệu không đáp ứng thời gian thực: Liệt kê các thông tin, số liệu quan trắc chỉ cung cấp sau khi thực hiện thu nhận (ghi chép, copy số liệu vào máy tính..), có thể phải xử lý. Tức là phải mất một số thời gian mới có được số liệu quan trắc (không đáp ứng thời gian thực).

6. Phương thức kết nối, thu thập:

Đây là quan trắc tự động, thời gian thực kết nối về trung tâm, lưu trữ trực tiếp vào CSDL, gồm các phương thức:

- Kết nối trực tiếp
- Mạng viễn thông 3G/GSM
- Kết nối internet
- Kết nối khác

7. Khuôn dạng dữ liệu:

Sử dụng đối với số liệu quan trắc không đáp ứng thời gian thực, bao gồm:

- Trên giấy
- File text
- File theo cấu trúc của thiết bị quan trắc

8. Hình thức, khối lượng khai thác, sử dụng:

Phương thức để khai thác:

- Kết nối vào thiết bị quan trắc
- Kết nối với trung tâm
- Sử dụng thông tin, số liệu từ CSDL
- Qua vật mang tin (giấy, đĩa..)

Khối lượng:

- Liên tục
- Theo nhu cầu